

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC NINH**
Bản án số: 12/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 19/6/2018
V/v: “*Tranh chấp HN-GD*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Mạnh

2. Ông Hồ Thế Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phú – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Phùng Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1972. (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1973. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa anh Nguyễn Như T và chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1990. Anh chị cưới nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, nhưng thời điểm đó anh T và chị A đều chưa đủ tuổi đăng ký nên anh chị đã không ra UBND xã T để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị A về nhà anh T sống chung cùng gia đình, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận không xảy ra mâu thuẫn.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T và chị A cùng thống nhất trình bày: Anh chị sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, có nhiều quan điểm bất đồng, do vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khiến cho đời sống hôn nhân của hai vợ chồng luôn căng thẳng, do vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh T và chị A đã nhiều lần gặp nhau để tìm hướng hòa giải về đoàn tụ, nhưng không thành. Nay anh T và chị A cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh T xác định vợ chồng chỉ tổ chức cưới hỏi chứ không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị A là vợ chồng, chị A cũng nhất trí với yêu cầu của anh T.

Về con chung, anh T và chị A thống nhất trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Như T, sinh năm 1991 và Nguyễn Như L, sinh năm 1998. Hiện hai con chung đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND huyện L phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND huyện L đề nghị: Áp dụng các Điều 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Như T và chị Nguyễn Thị A là vợ chồng.

- Về con chung: Anh T và chị A có 02 con chung. Hiện các con chung đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Năm 1990 anh T và chị A có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian chung sống anh T và chị A đã xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng. HĐXX xét thấy: Anh T và chị A sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và đã có 02 con chung. Hai anh chị đều xác định chỉ làm lễ cưới chứ không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Qua xác minh UBND xã T cũng xác nhận lời trình bày của anh chị là đúng sự thật. Do vậy theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, hướng dẫn tại Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình, mặc dù anh T và chị A sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay anh T và chị A cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh T có yêu cầu Tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng, nên căn cứ theo Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận anh T và chị A là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Như T và chị Nguyễn Thị A có 02 con chung là: Nguyễn Như T, sinh năm 1991 và Nguyễn Như L, sinh năm 1998. Hiện hai con chung đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[3] Về tài sản: Anh T và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận anh Nguyễn Như T và chị Nguyễn Thị A là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Như T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Như T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0001010 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh Nguyễn Như T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L
- Chi cục huyện L;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Phương

